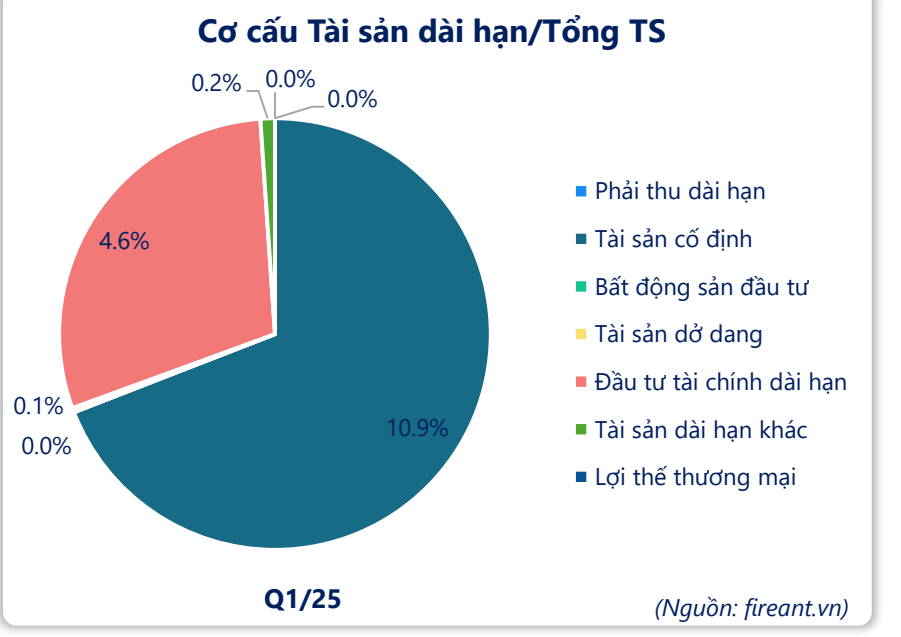
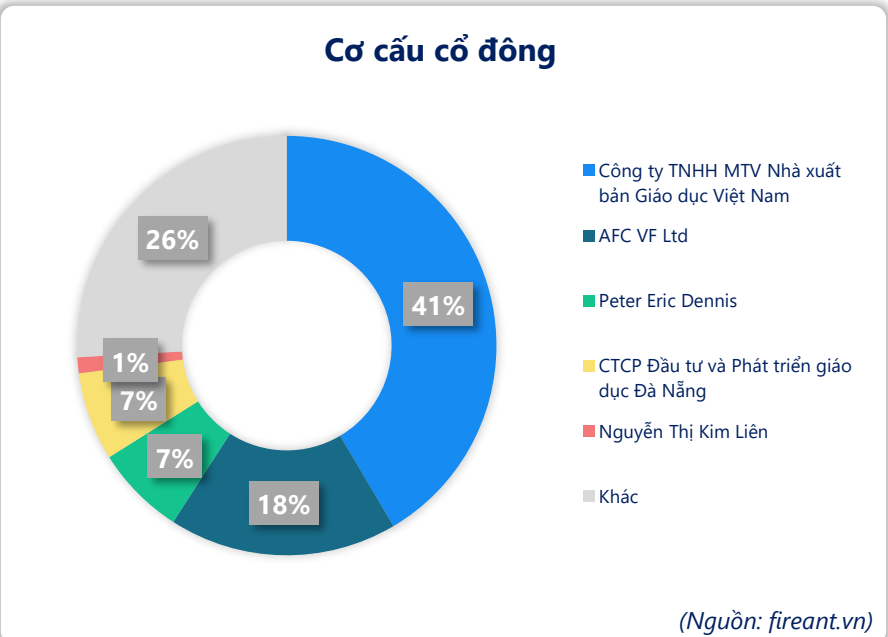
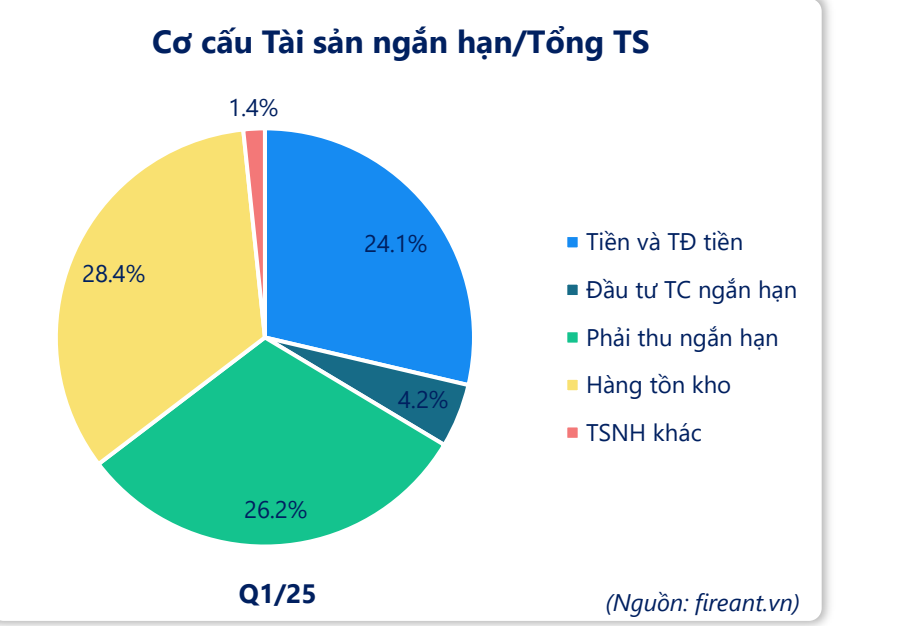
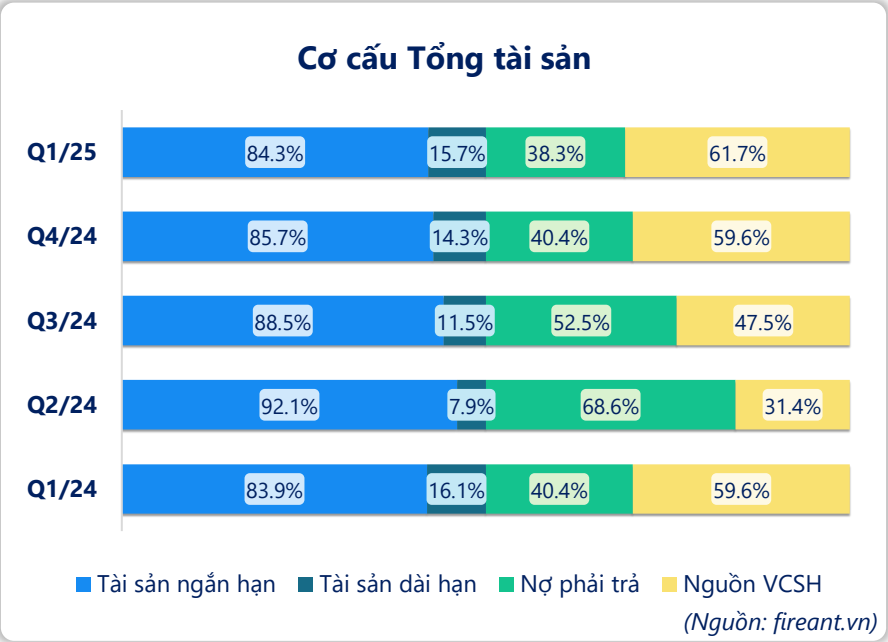
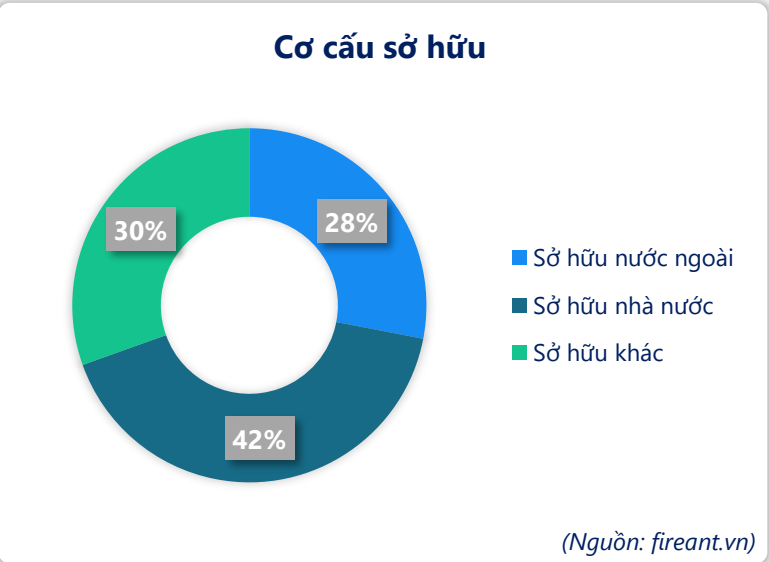
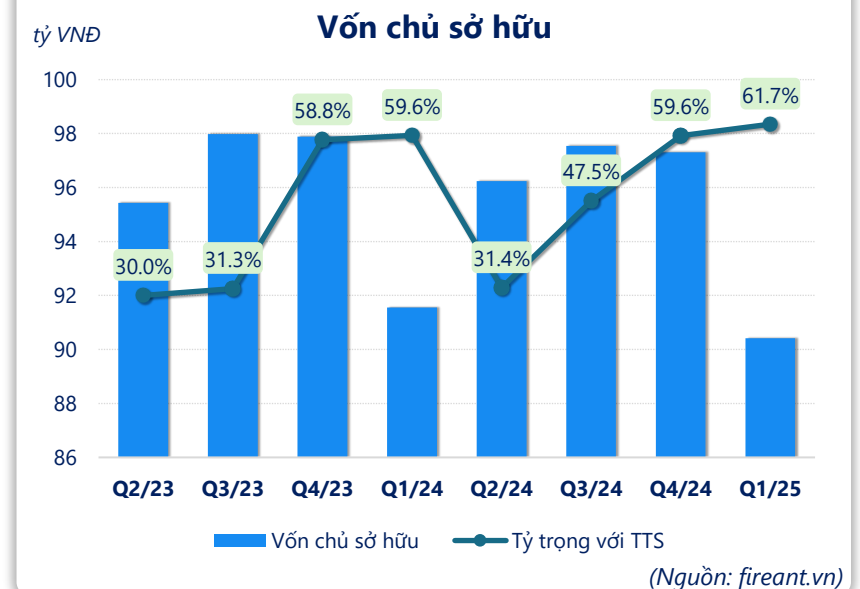
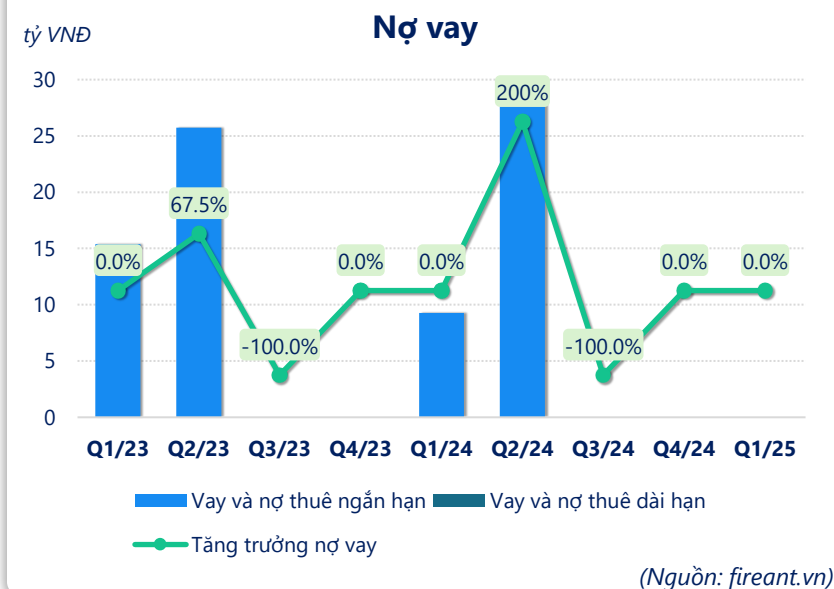
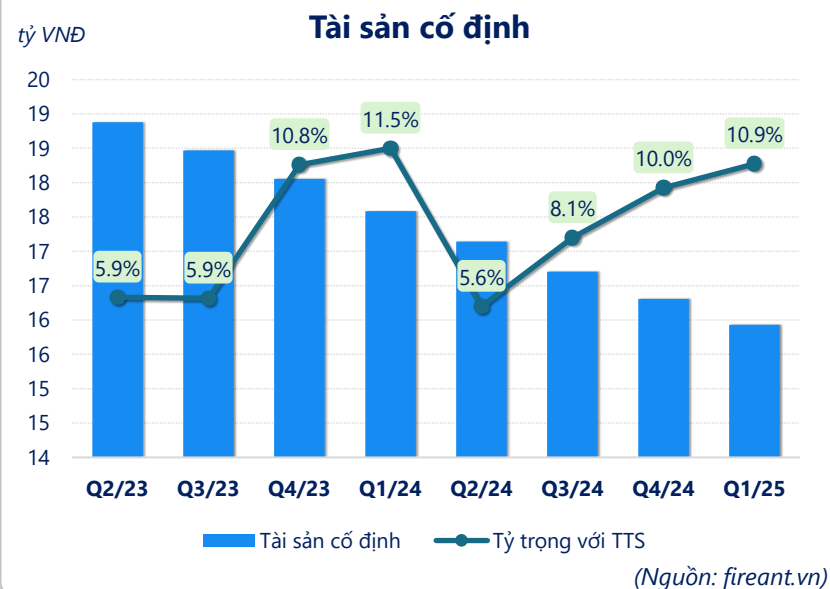
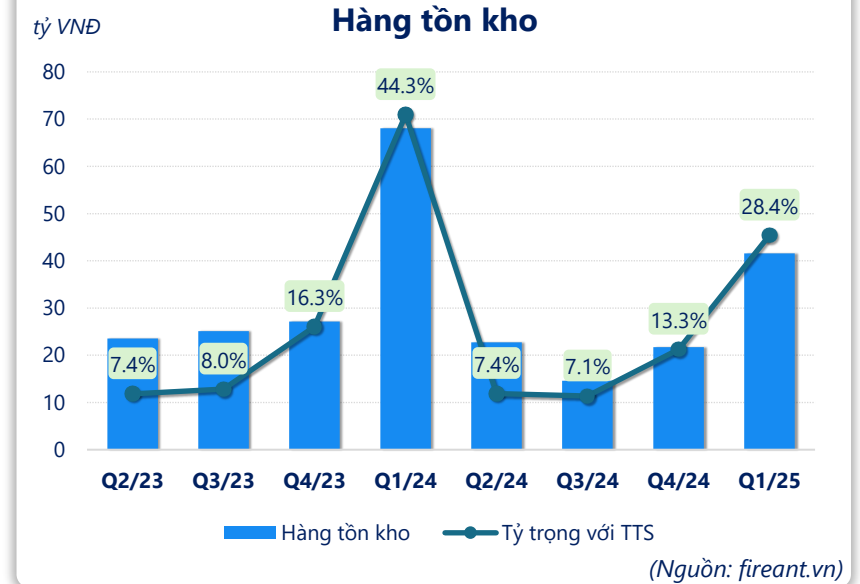
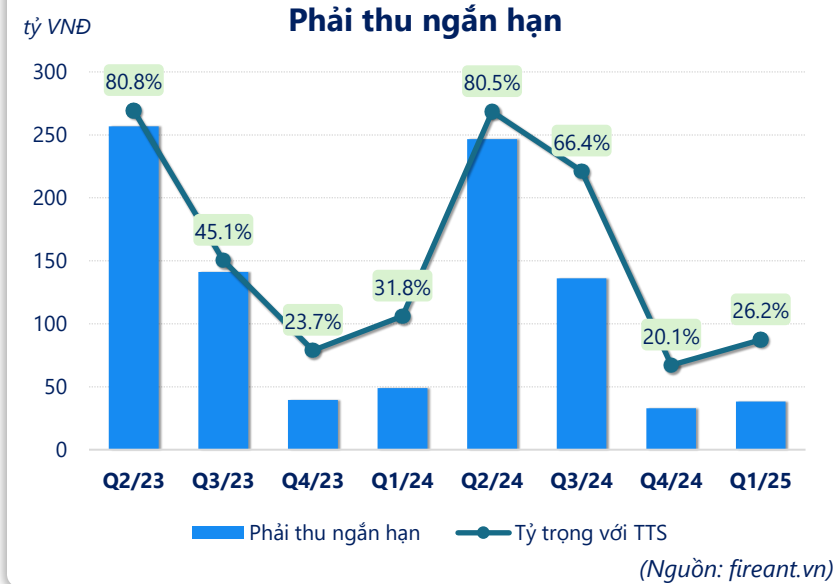
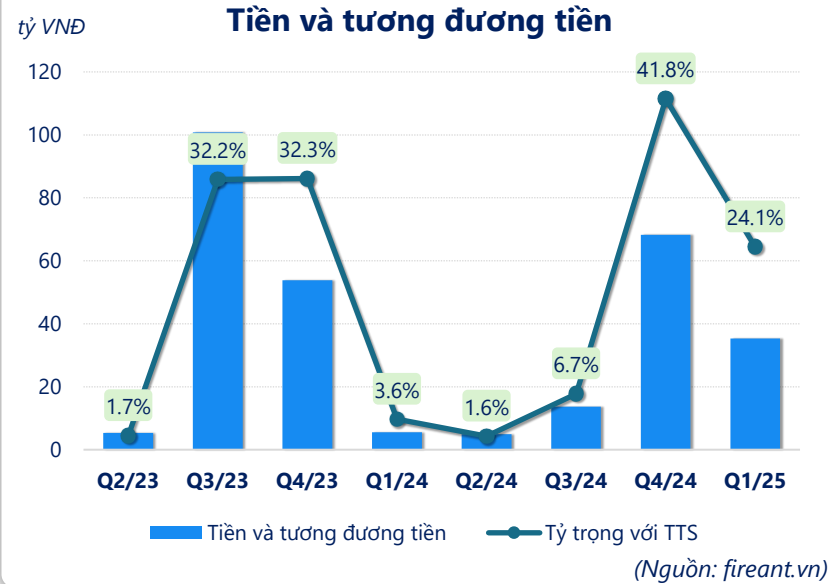
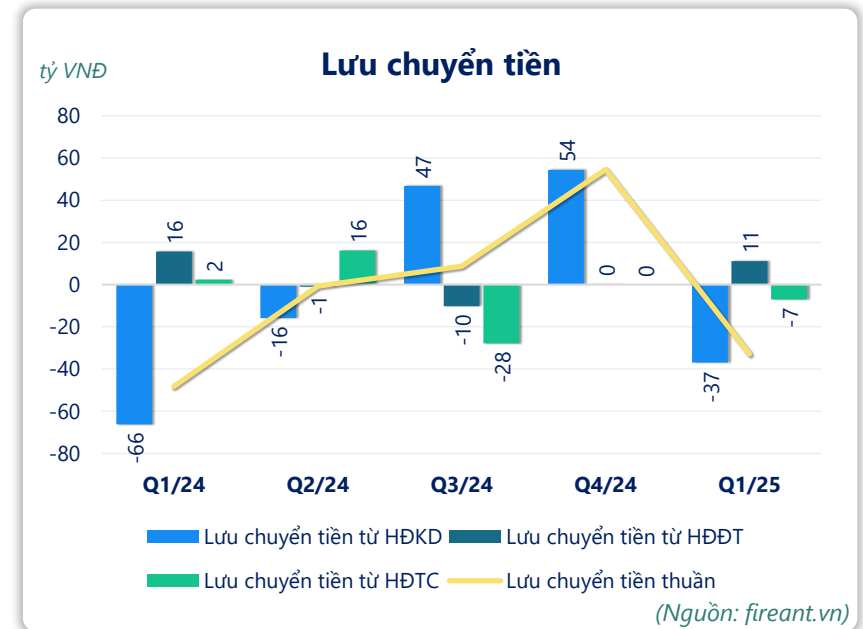
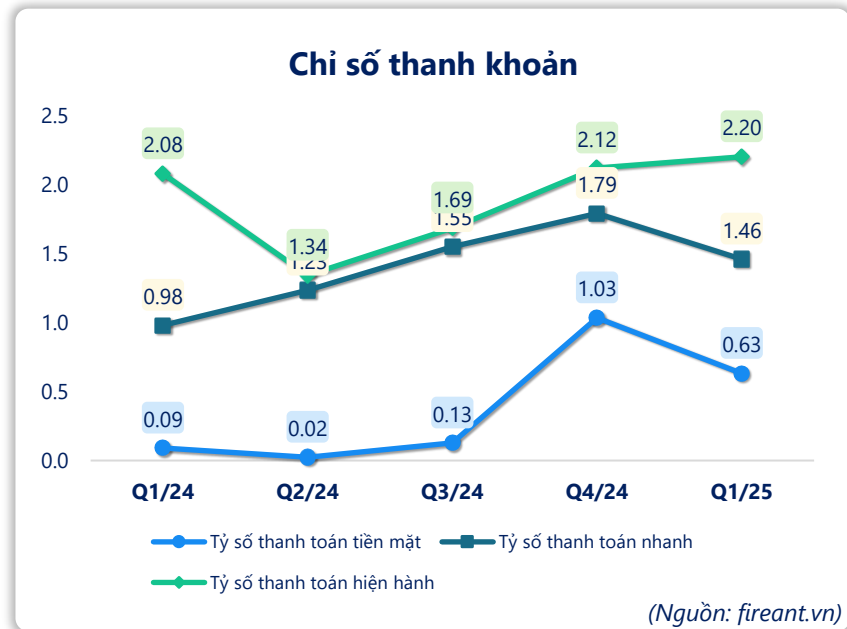
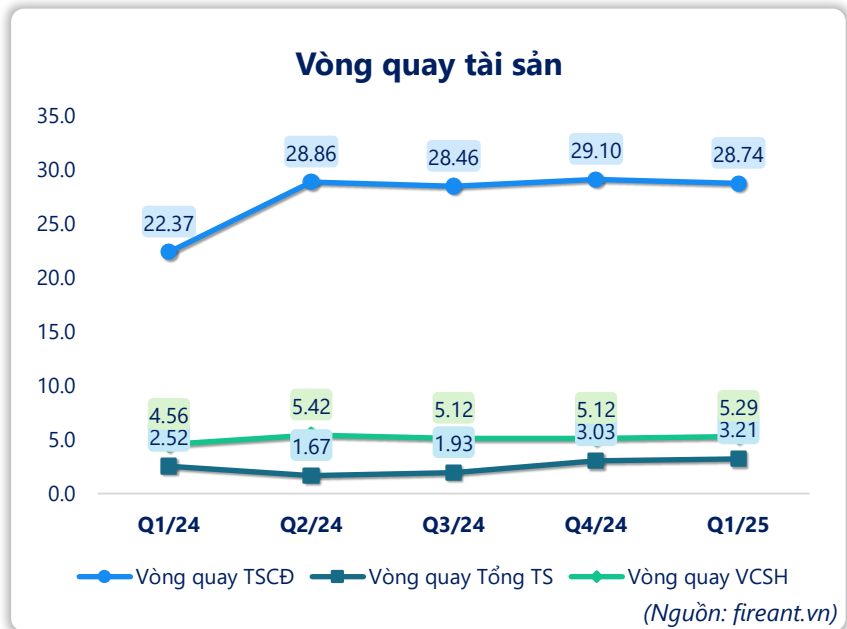
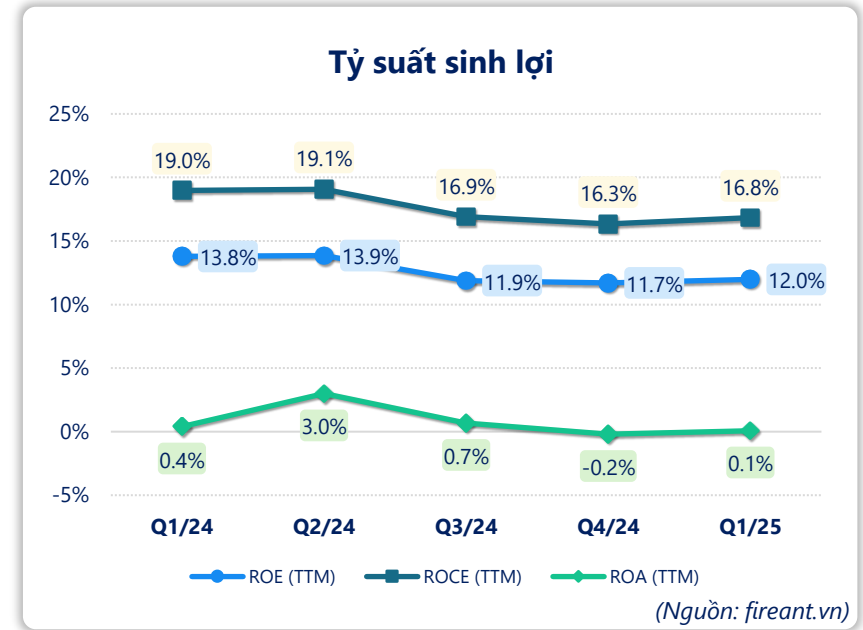
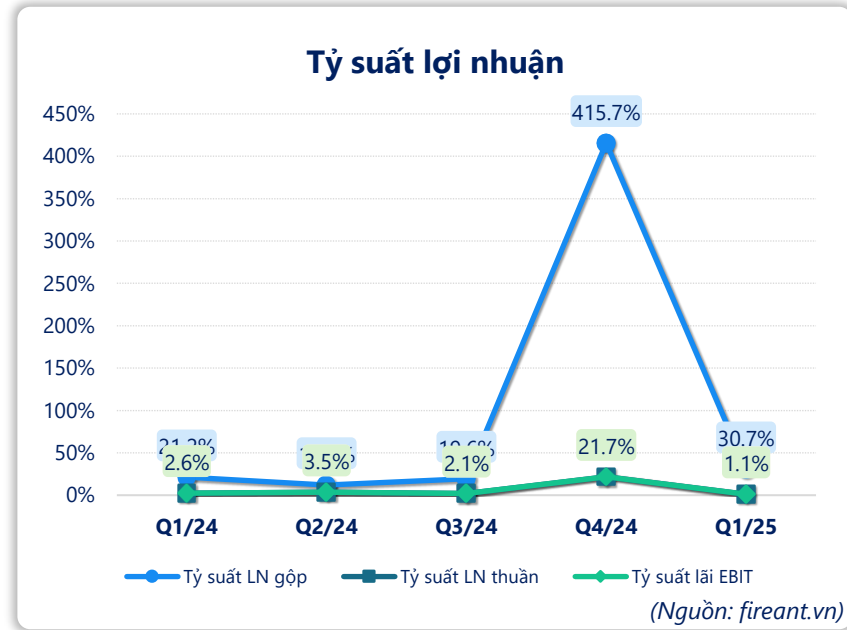
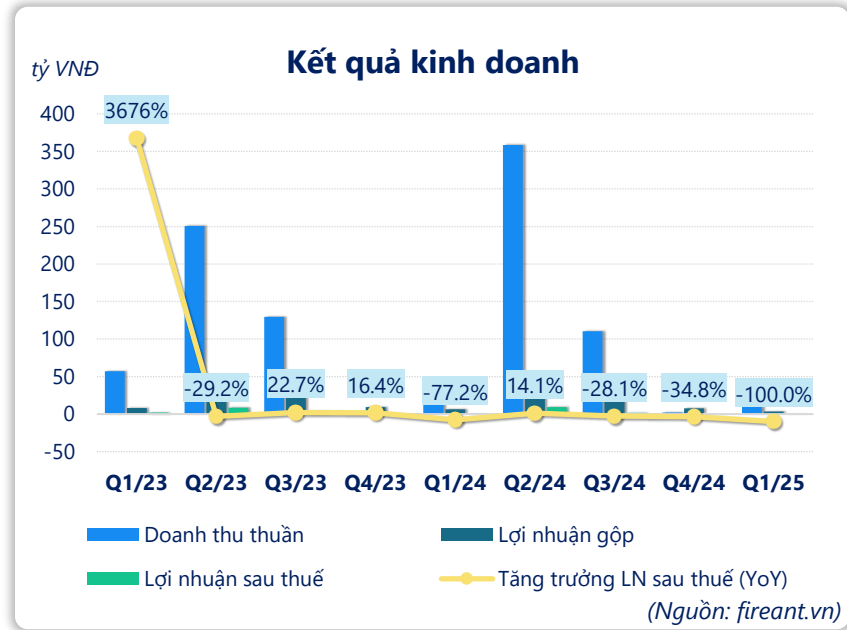


Thông tin giao dịch		31/03/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		19,200
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		20,877
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		15,628
SL cổ phiếu LH		4,659,200
KLGD BQ 20 phiên (CP)		190
% sở hữu nước ngoài		28.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		89
P/E		8.2
EPS		2,339

	YTD	1T	3T	6T
DAD	-1.5%	2.7%	-2.4%	4.0%
VNINDEX	2.9%	-0.4%	2.7%	1.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	146	163	-10.3%
Tài sản ngắn hạn	123	140	-11.8%
Tiền và tương đương tiền	35.4	68.2	-48.2%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	6.08	16.1	-62.2%
Phải thu ngắn hạn	38.3	32.9	16.5%
Hàng tồn kho	41.6	21.7	91.6%
Tài sản ngắn hạn khác	2.05	0.98	109%
Tài sản dài hạn	23.1	23.4	-1.4%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	15.9	16.3	-2.3%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.08	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	6.80	6.80	0.0%
Tài sản dài hạn khác	0.25	0.29	-13.4%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	56.0	66.0	-15.1%
Nợ ngắn hạn	56.0	66.0	-15.1%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	23.5	26.2	-10.4%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	90.4	97.3	-7.1%
Vốn chủ sở hữu	90.4	97.3	-7.1%
Vốn điều lệ	50.0	50.0	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Doanh thu thuần	29.0	359	111	1.87	10.6
Giá vốn hàng bán	22.8	316	88.9	-5.89	7.34
Lợi nhuận gộp	6.15	43.1	21.7	7.76	3.25
Doanh thu HĐTC	0.53	0.90	0.16	3.14	1.64
Chi phí TC	0.02	0.70	0.56	0.01	0
Chi phí lãi vay	0.02	0.27	0.15	0	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	3.16	21.8	13.8	6.29	2.59
Chi phí QLDN	2.77	9.16	5.31	4.19	2.17
LN thuần từ HĐKD	0.74	12.3	2.18	0.41	0.12
Lợi nhuận khác	0.00	-0.11	0.00	0.00	0.00
LN trước thuế	0.74	12.2	2.18	0.41	0.12
Lợi nhuận sau thuế	0.65	9.35	1.75	-0.32	0.12
LNST của CĐ cty mẹ	0.65	9.35	1.75	-0.32	0.12

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-66.2	-15.9	46.8	54.3	-37.0
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	15.7	-0.98	-10.3	0.24	11.1
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	2.27	16.2	-27.8	0	-6.99
Tiền đầu kỳ	53.8	5.56	4.94	13.6	68.2
Lưu chuyển tiền thuần	-48.2	-0.62	8.71	54.6	-32.8
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	5.56	4.94	13.6	68.2	35.4

(Nguồn: fireant.vn)